SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU **BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79 /TM – BVPT V/v đề nghị cung cấp báo giá hoá chất xét nghiệm cho bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu năm 2025.	*Lai Châu, ngày 27 tháng 03 năm 2025*

Kính gửi: Các Quý công ty

Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu đang triển khai các thủ tục đầu tư mua sắm nhằm phục vụ các hoạt động của đơn vị năm 2025 theo kế hoạch.

Được biết Quý Công ty có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với công việc nêu trên, kính mời Quý Công ty cung cấp cho chúng tôi báo giá hàng hóa, dịch vụ với các yêu cầu sau đây:

- Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp: *(Theo bảng phụ lục chi tiết kèm theo).*

- Báo giá cần phải mô tả chi tiết cấu hình, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ chào, đáp ứng yêu cầu, kèm theo các thông tin về xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất và phải bao gồm đầy đủ các điều kiện, điều khoản thương mại kèm theo tối thiểu như: Hiệu lực báo giá; đã gồm đầy đủ thuế, phí liên quan; thời gian bàn giao hàng hóa dịch vụ; thời gian bảo hành; các điều khoản tạm ứng, thanh toán.

Báo giá xin gửi về địa chỉ dưới đây trước ngày 10/04/2025.

+ Ông: Nguyễn Văn Mười Khoa Dược – VTYT – CLS.

+ Số điện thoại: 0986.770.790.

+ Địa chỉ: Tổ 27, Phường Đông Phong – Thành phố Lai Châu – Tỉnh Lai Châu.

Trân trọng./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Phòng KH-TC-ĐD (đăng tải);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Bệnh viện Lao và phổi Cơ quan: Tỉnh Lai Châu
Thời gian ký: 27/03/2025 15:27:16

SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH

Phạm Mạnh Hùng

Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp

(Kèm theo Thư mời số: 79/TM-BVPT ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1. Hóa chất chạy trên máy sinh hóa				
1	Thuốc thử định lượng nồng độ Albumin trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu: Acetate Buffer (pH 4.2 ở 25°C); ~ 0.39 mmol/L Bromocresol Green (BCG); Surfactant - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	500,0
2	Thuốc thử định lượng hoạt độ enzym ALT/ SGPT trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu: + Thuốc thử R1: Buffer (pH 7.55 ở 25°C); 700 mmol/L L-alanine; ≥2300 U/L lactate dehydrogenase (microbial) + Thuốc thử R2: 85 mmol/L 2- oxoglutarate; 1 mmol/L NADH - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	750,0
3	Thuốc thử định lượng hoạt độ enzym AST/ SGOT trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu : + Thuốc thử R1: TRIS buffer (pH 8.0 ở 25°C); 320 mmol/L L-aspartate; ≥ 800 U/L MDH (microbial); ≥ 1200 U/L lactate dehydrogenase (microbial) + Thuốc thử R2: 65 mmol/L 2-oxoglutarate; 1 mmol/L NADH - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	750,0

4	Vật liệu kiểm soát chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa mức 1	- Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người - Kiểm soát các thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; Amylase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin-Total; Calcium; Cholesterol-HDL; Cholesterol- LDL; Cholesterol-Total; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; γ-Glutamyltransferase; Iron; UIBC; LDH; Lipase; Magnesium; Phosphorus; Potassium; Protein- Total; Sodium; Triglyceride; Urea Nitrogen; Uric Acid - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	50,0
5	Vật liệu kiểm soát chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa mức 2	- Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người - Kiểm soát các thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; Amylase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin-Total; Calcium; Cholesterol-HDL; Cholesterol- LDL; Cholesterol-Total; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; γ-Glutamyltransferase; Iron; UIBC; LDH; Lipase; Magnesium; Phosphorus; Potassium; Protein- Total; Salicylate; Sodium; Triglyceride; Urea Nitrogen; Uric Acid - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	50,0
6	Chất hiệu chuẩn chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa	- Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người - Hiệu chuẩn thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin – Total; Calcium; Cholesterol; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; γ-Glutamyltransferase; Serum Iron; LDH; Magnesium; Phosphorus; Protein-Total; Triglyceride; Urea (BUN); Uric Acid - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	27,0

7	Dung dịch khử khuẩn nước buồng ủ máy xét nghiệm sinh hóa	- Thành phần tối thiểu: HCOONa ≤ 0.4%; Surfactant ≤ 2%; Bacteriostat ≤0.4% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	20.000,0
8	Dung dịch rửa kiềm dùng để rửa cuvet phản ứng máy xét nghiệm sinh hóa	- Thành phần tối thiểu : NaOH ≤ 3%; Surfactant ≤ 2% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	20.000,0
9	Thuốc thử định lượng nồng độ đường huyết (Glucose) trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu : ≥ 2 mmol/L nicotinamide adenine dinucleotide; ≥ 4 mmol/L adenosine triphosphate; ≥ 2 mmol/L magnesium; ≥ 2000 U/L hexokinase (yeast); ≥4000 U/L glucose-6-phosphate dehydrogenase (microbial); Stabilizers - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.000,0
10	Thuốc thử định lượng nồng độ Protein trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu : ≥31.5 mmol/L sodium potassium tartrate; ≥ 12.0 mmol/L copper sulfate pentahydrate; ≥30 mmol/L potassium iodide; ≥ 0.20 mol/L sodium hydroxide - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	500,0
11	Thuốc thử định lượng nồng độ Urea trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu: Buffer (pH 8.0 ở 25°C); ≥ 14 mmol/L 2-oxoglutarate; ≥ 5.0 mmol/L ADP; ≥ 12 KU/L GLDH (mammalian); ≥ 50 KU/L Urease (botanical); ≥ 0.2 mmol/L NADH; Stabilizers - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	900,0
12	Thuốc thử định lượng nồng độ Axit Uric trong mẫu huyết thanh	- Thành phần tối thiểu: ≥ 1.8 mmol/L DHBS; ≥ 0.5 mmol/L 4-aminoantipyrine; ≥ 3500 U/L peroxidase (botanical); ≥ 200 U/L uricase (microbial); Stabilizers - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	200,0

13	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatinine toàn phần trong mẫu huyết thanh và nước tiểu	- Thành phần tối thiểu: + Thuốc thử R1: Buffer (pH 7.5 ở 25°C); ≥ 12,000 U/L creatine amidinohydrolase (microbial); ≥ 4,000 U/L sarcosine oxidase(microbial); ≥ 0.24 mmol/L N-ethyl-N-sulfopropryl-m-toluidine; Ascorbate oxidase (botanical); Stabilizers; Surfactants; preservatives. + Thuốc thử R2: Buffer (pH 7.5 ở 25°C); ≥ 135,000 U/L creatinine amidohydrolase (microbial); ≥ 1.5 mmol/L 4-aminoantipyrine; ≥ 2,000 U/L peroxidase (botanical); Stabilizers; Surfactants; ≥ 7.7 mmol/L sodium azide. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.250,0
14	Cốc đựng mẫu	Sample cup máy sinh hóa	Cái	2.500,0
2. Hoá chất dùng cho máy huyết học				
1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Hóa chất pha loãng mẫu máu dùng tương thích cho máy phân tích huyết học Mythic 18 - Các thành phần hoạt chất tối thiểu trong thuốc thử: + Buffer + Sodium chloride + Metal ion chelator + Sodium sulfate - Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định trong 90 ngày ở nhiệt độ phòng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FSC hoặc tương đương	ml	40.000,0

2	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Hóa chất ly giải dùng tương thích cho máy phân tích huyết học Mythic 18 - Các thành phần hoạt chất tối thiểu trong thuốc thử: + Quaternary ammonium salts: ≥ 2.25% + Potassium chloride + Imidazole + Stabilizers - Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định trong 90 ngày ở nhiệt độ phòng - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FSC hoặc tương đương	ml	1.000,0
3	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Dung dịch rửa để loại bỏ các chất cặn bã dùng tương thích cho máy phân tích huyết học Mythic 18 - Nồng độ của các thành phần hoạt chất tối thiểu trong thuốc thử: + BRIJ 35: ≥ 0.25% + EMPIGEN BB: ≥ 0.09% + EVERIS PRECISE: ≥ 0.02% + Sodium chloride + Buffer + Stabilizer - Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định trong 90 ngày ở nhiệt độ phòng - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FSC hoặc tương đương	ml	2.000,0

4	Dung dịch làm sạch dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Dung dịch rửa mạnh được dùng để vệ sinh định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo lường dùng tương thích cho máy phân tích huyết học Mythic 18. - Nồng độ của các thành phần hoạt chất tối thiểu trong thuốc thử: + Active chlorine: ≥3.5% + Sodium hydroxide: ≥0.2% + Stabilizer: ≥0.5% + Sodium chloride - Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định trong 09 tuần ở nhiệt độ phòng - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FSC hoặc tương đương	ml	250,0
5	Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức thấp	- Thành phần tối thiểu: Hồng cầu người và động vật có vú; Bạch cầu mô phỏng; Tiểu cầu mô phỏng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	7,5
6	Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình	- Thành phần tối thiểu: Hồng cầu người và động vật có vú; Bạch cầu mô phỏng; Tiểu cầu mô phỏng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	7,5
7	Chất kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức cao	- Thành phần tối thiểu: Hồng cầu người và động vật có vú; Bạch cầu mô phỏng; Tiểu cầu mô phỏng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	7,5
3. Hoá chất dùng cho máy nước tiểu				
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	- Các thông số kiểm tra: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone (acetoacetic acid), Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, Specific Gravity, pH, Ascorbic Acid. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	1.000,0
2	Nước rửa đậm đặc	- Nước rửa đậm đặc dành cho máy nước tiểu tự động. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	200,0

3	Dung dịch QC âm	- Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức âm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	8,0
4	Dung dịch QC dương	- Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm nước tiểu mức dương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	8,0
4. Test xét nghiệm nhanh				
1	Test HBsAg	- Vùng cộng hợp: IgG chuột kháng HBsAg-04; - Vạch kết quả: IgG chuột kháng HBsAg-B20; - Vạch chứng: IgG dê kháng chuột - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	80,0
2	Test HCV	- Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người (0.16 µg); - Vạch kết quả: Kháng nguyên HCV-210 (0.2 µg); - Vạch chứng: IgG người (0.88 µg). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	80,0
5. Hóa chất khác				
1	Bộ nhuộm Gram	- Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm vi sinh vật. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor và Safranin. Bộ 4 chai 250 ml . - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1,0